ĐẶC ĐIỂM TRUYỀN THUYẾT ĐỊA DANH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ VÀ NHÂN VẬT CÓ CÔNG CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• Đỗ Thị Hồng Hạnh(*)

Tóm tắt

Bài báo phân tích và xác định những đặc điểm truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Việc xác định những đặc điểm của truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện bởi quá trình khảo sát, phân tích đặc điểm cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết địa danh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Truyền thuyết, địa danh, lịch sử, cốt truyện, Đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Về khái niệm Truyền thuyết địa danh, chúng tôi thống nhất sử dụng theo khái niệm Truyền thuyết địa danh của tác giả Kiều Thu Hoạch: "Truyền thuyết địa danh chủ yếu là chỉ loại truyền thuyết giải thích tên gọi, tức là nói về nguồn gốc tên gọi của các địa danh ở các địa phương mà có gắn với các sự kiện, nhân vật lịch sử có liên quan" [4, tr. 35-36]. Theo khảo sát của chúng tôi, truyền thuyết địa danh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bao gồm 03 tiểu loại: *Truyền thuyết địa danh liên quan đến những nhân vật tiền hiền có công khai phá, xây dựng vùng ĐBSCL; Truyền thuyết địa danh liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm; Truyền thuyết địa danh liên quan đến nhân vật Nguyễn Ánh.* Do quy định về dung lượng của một bài báo nên trong công trình này chúng tôi chỉ phân tích tiểu loại *Truyền thuyết địa danh liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm* (Ký hiệu: TL1B).

Vấn đề giải thích nguồn gốc tên gọi của núi, sông, ao hồ, làng, kênh, rạch... vốn đã được nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước trên thế giới từ bao thế hệ quan tâm. Các thể loại tự sự dân gian của người Việt cũng đã thể hiện chức năng, nhiệm vụ này theo cách riêng. Ở thể loại thần thoại, việc lý giải sự hình thành địa danh, tên gọi của địa danh thường gắn liền với công tích của những nhân vật khổng lồ. "Trong những truyện kể về thời khai thiên lập địa, những ông, những bà khổng lồ này hiển nhiên không phải là con người mà chính là thiên nhiên hoang dã đã được nhào nặn theo tư duy thần thoại, tức là sự đồ chiếu sức mạnh thiên nhiên theo dạng thức con người"[1, tr. 50].

Khác với thần thoại, truyền thuyết địa danh giải thích sự hình thành tên gọi của ao hồ, rừng, núi bao giờ cũng gắn liền với việc kể về những con người cụ thể đã góp phần làm nên địa danh ấy. Hay nói cách khác "Khác với thế giới tưởng tượng hào hùng và kỳ vĩ trong thần thoại, truyền thuyết địa danh có cảm hứng lịch sử, đặt câu chuyện vào một khung cảnh, một thời gian với những nhân vật cụ thể" [1, tr. 50]. Trong khi đó, ở thể loại cổ tích, truyện kể địa danh lại lồng vào trong nó những câu chuyện của đời thường, của những mối quan hệ anh em, vợ chồng, cha con...

Việc nghiên cứu truyền thuyết địa danh ở Việt Nam đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm. Những công trình đáng chú ý đó là *Truyện kể địa danh từ góc nhìn thể loại* (Trần Thị An, Tạp chí Văn học, số 3/1999), *Bước đầu tìm hiểu nguồn truyện kể địa danh Việt Nam* (Nguyễn Bích Hà, Tuyển tập 40 năm Tạp chí Văn học, tr.416), *Truyền thuyết dân gian và địa danh* (Thái Hoàng, Tạp chí Văn học, số 9, 1999)... Trong những công trình này, các tác giả đã đề cập đến những vấn đề mang tính lý luận về đặc trưng thể loại của truyện kể địa danh nói chung như: đặc trưng nội dung, ý thức nghệ thuật và chức năng thể loại. Những kiến thức lý luận này có ý nghĩa là những kiến thức nền tảng, định hướng cho việc nghiên cứu loại truyền thuyết địa danh ở vùng ĐBSCL.

Để xác định được những đặc điểm mang tính

(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

đặc trưng của truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL, công trình này sẽ tiến hành khảo sát, phân tích đặc trưng cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL.

2. Khái niệm cốt truyện và các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết

2.1. Khái niệm cốt truyện

Khái niệm *Cốt truyện* trong cuốn *Oxford Advanced Learners Dictionary* đã được tác giả A. Hornby định nghĩa như sau: "The series of events that form the story of a novel, play, film" (Dịch ra tiếng Việt: Cốt truyện là một loạt những sự kiện góp phần hình thành câu chuyện của một tiểu thuyết hoặc một bộ phim) [5, tr. 1163].

Ở Việt Nam, khái niệm *Cốt truyện* cũng đã được *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: "Cốt truyện là hệ thống sự kiện làm nòng cốt cho sự diễn biến các mối quan hệ và sự phát triển của tính cách nhân vật trong tác phẩm văn học loại tự sự" [9, tr. 233]. Khái niệm *Cốt truyện* và vai trò của cốt truyện trong tác phẩm tự sự đã được minh định một cách cụ thể hơn trong một số công trình nghiên cứu của các nhà lí luận văn học. Trong *Từ điển thuật ngữ Văn học*, các tác giả viết: "Cốt truyện là hệ thống sự kiện cụ thể được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất của tác phẩm văn học thuộc loại tự sự" [3, tr. 70]. Ở đây, các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đã xem cốt truyện là "bộ phận cơ bản, quan trọng nhất" của một tác phẩm tự sự. Họ đã đánh giá cao vai trò của cốt truyện trong tác phẩm văn học thuộc loại tự sự nói chung. Căn cứ vào khái niệm này thì việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một thể loại văn học cụ thể cũng có nghĩa là nghiên cứu về đặc điểm nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của thể loại văn học ấy.

Cùng quan điểm đề cao vai trò của cốt truyện trong tác phẩm văn học thuộc loại tự sự, trong sách *Lí luận Văn học*, các tác giả đã viết: "Trong phân tích tác phẩm, việc nhận định đúng thành phần cốt truyện có ý nghĩa then chốt để lý giải đúng đắn nội dung và tư tưởng tác phẩm" [6, tr. 304-305].

Từ những ý kiến nêu trên, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một tác phẩm tự sự có một ý nghĩa quan trọng. Bởi vì việc làm này sẽ góp phần làm sáng rõ những đặc điểm nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyền thuyết dân gian nói riêng, các tác phẩm tự sự nói chung.

2.2. Các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết

Ngoài việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện, việc nghiên cứu đặc điểm của thể loại truyền thuyết còn đòi hỏi người nghiên cứu phải xem xét đến việc tổ chức các yếu tố tự sự của thể loại ấy. Các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết bao gồm: Hệ thống nhân vật, các motif, các chi tiết, các sự kiện lịch sử và lời kể trong tác phẩm truyền thuyết.

Nhân vật chính trong thể loại truyền thuyết thường là những con người có thật ở ngoài đời. Hệ thống nhân vật này phong phú, đa dạng: Các bậc tiền hiền, anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa, các nhân vật tôn giáo… Việc phân loại nhân vật phụ thuộc vào những tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên, không phải bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng trở thành nhân vật của truyền thuyết. Nhân vật của truyền thuyết phải là những nhân vật có những tác động, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, được nhân dân quan tâm và lưu truyền.

Các motif, các chi tiết, sự kiện lịch sử là những yếu tố không thể thiếu của tác phẩm tự sự dân gian. Đặc biệt, motif được xem là yếu tố đặc trưng của truyện kể dân gian: "Motif chỉ một thành tố nhỏ của truyện, thường có thể tách rời được, có thể lắp ghép được, ít nhiều khác lạ, bất thường, đặc biệt, là yếu tố đặc trưng của truyện kể dân gian" [2, tr. 282].

Về vai trò, ý nghĩa của motif trong tác phẩm tự sự dân gian, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt đã khẳng định: "Trong mối quan hệ với cốt truyện, motif vừa là một bộ phận quan trọng của cốt truyện - mang tính nội dung, nhưng lại là yếu tố tạo liên kết và được liên kết với nhau nên mang cả tính hình thức" [7, tr. 36-37] và "Motif là yếu tố ban đầu, yếu tố hạt nhân để tạo nên cốt truyện" [7, tr. 38].

Lời kể trong các tác phẩm truyền thuyết dân gian thường có đặc điểm "lối kể cô đọng, rất ít sự

miêu tả, chủ yếu chỉ thuật lại hành động của nhân vật, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của truyện" [8, tr. 30].

Mặt khác, để xác định đặc điểm của truyền thuyết địa danh vùng ĐBSCL cũng cần phải nghiên cứu sự vận động, sự biến đổi của các yếu tố tự sự nói trên do những tác động của thời gian, của vùng miền văn hóa.

3. Đặc điểm cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết địa danh liên quan đến những sự kiện lịch sử và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL (Ký hiệu : TL1B)

Theo khảo sát và thống kê, truyền thuyết địa danh TL1B gồm 21 truyền thuyết. Sự phân bố 21 truyền thuyết địa danh nói trên không đều, tập trung nhiều ở tỉnh Đồng Tháp (11 truyện), những truyền thuyết còn lại được rải đều ở các tỉnh Long An (03 truyện), Tiền Giang (02 truyện), Vĩnh Long (01 truyện), Bạc Liêu (02 truyện), An Giang (01 truyện) và Bến Tre (01 truyện). Chúng tôi nhận thấy cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết địa danh TL1B được triển khai như sau:

Trong ***lớp truyện thứ nhất***, truyền thuyết địa danh TL1B thường có hai dạng cấu tạo:

Dạng cấu tạo thứ nhất, các văn bản kể đều có một điểm chung là ngay phần mở đầu của mỗi truyền thuyết, tác giả dân gian thường miêu tả hoặc xác định vị trí của địa danh trước khi đi vào kể về nguồn gốc hình thành địa danh ấy. Chẳng hạn như: "Vàm Hổ Cứ thuộc làng Tân Tịch, gần bến phà Cao Lãnh" *(Sự tích Vàm Hổ Cứ*). "Đây là một con rạch chảy qua địa giới của huyện Cai Lậy và Long Định, tỉnh Tiền Giang. Nơi này, người anh hùng áo vải Tây Sơn đã đánh tan tác bọn xâm lược Xiêm và quan quân Nguyễn Ánh vào năm 1795" (*Sự tích tên gọi Rạch Gầm*), "Sông Xá Hương ở hạ lưu sông Vàm Cỏ Tây" (*Sự tích sông Xá Hương và miếu ông Bần Quỳ*), "Cầu Nàng Hai là cầu bắc qua sông Sa Đéc trên đường liên tỉnh 27" (*Cầu Nàng Hai – Rạch Nàng Hai*), "Rạch Cần Lố bắt nguồn từ hậu bối làng Nhị Mỹ chảy quanh co, uốn khúc xuyên qua làng Mỹ Thọ, rồi đổ nước vào sông Tiền" (*Trường án Cần Lố*), "Chợ Thống Linh ngày nay nằm phía hậu bối của xã Mỹ Ngãi, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp" (*Chợ Thống Linh*), "Đám lá tối trời là một vùng rộng lớn, ở làng Kiểng Phước, gần cửa Soi Rạp, tỉnh Gò Công" (*Đám lá tối trời*).

Dạng cấu tạo thứ hai, tác giả dân gian đi ngay vào việc giới thiệu sự kiện lịch sử hoặc kể về nguồn gốc, lai lịch của nhân vật có liên quan đến địa danh. Chẳng hạn như: "Ngày trước, khi giặc Pháp đến xâm lược nước ta, giặc đi đến đâu tàn phá đến đó, lòng dân vô cùng căm hận. Lúc này có hai anh em trai mồ côi cha mẹ, sống với ông bà nội, người anh tên là Dũng, người em tên là Anh" (*Sự tích ấp Anh Dũng*), "Đốc Binh Vàng tên thật là Trần Ngọc. Ông giữ chức Tổng Binh kiêm nhiệm chức Chánh giải quân lương dưới triều Minh Mạng" (*Rạch Đốc Vàng*), "Ông Nguyễn Văn Linh sinh năm 1815 tại thôn Mỹ Ngãi, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay thuộc thị xã Cao Lãnh) là người có võ nghệ cao cường, chí khí hiên ngang" (*Sự tích Chợ Thống Linh*). "Tương truyền rằng ngày trước, ngay khi vừa hạ trại an binh tại cầu Cây Sao, ông Nguyễn Hữu Cảnh đã cho dựng lên một số trạm canh phòng chung quanh để vừa làm trạm ngăn chặn giặc xâm lăng, vừa kịp thời đốt lửa báo tin cho nghĩa quân ở phía sau khi giặc Xiêm đến" (*Sự tích Doi Lửa*).

Lớp truyện thứ hai, tác giả dân gian kể về diễn biến của sự kiện lịch sử hoặc hành trạng, công tích của nhân vật có liên quan đến địa danh.

Khi kể về những sự kiện lịch sử có liên quan đến các địa danh, tác giả dân gian kể lại diễn biến của những sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ như: Chiến thắng vẻ vang, rất đáng tự hào của nghĩa quân Tây Sơn trên sông Sầm Giang, tỉnh Tiền Giang (*Sự tích Rạch Gầm*); cuộc chiến đấu kiên cường, bất khuất của cha con Tám Luông chống lại bọn địa chủ, cường hào ác bá ở địa phương thuộc huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (*Cánh đồng Nọc Nạn*); trận đánh đầy mưu trí của Vương Văn Sâm chống lại giặc Xiêm (*Truyền thuyết Doi Lửa*).

Có nhiều truyền thuyết địa danh ở TL1B không kể trực tiếp hành trạng của nhân vật mà kể gián tiếp qua các sự kiện giặc Pháp và lũ ác ôn tay sai ra tay đàn áp và tàn sát các nghĩa binh và nhân dân trong các truyền thuyết địa danh như: *Lai lịch Trường Án Cần Lố, Sự tích Vũng Liêm, Khu Mả lớn, Đám lá tối trời...* Chẳng hạn như: "Nơi này

là nơi Pháp tập trung quân để tiến công vào Đồng Tháp, đồng thời chúng còn dùng nơi này làm pháp trường để chém giết nghĩa quân hầu khủng bố nhân dân" (*Lai lịch Trường Án Cần Lố*); "Để trả thù cho quan thống, Trần Bá Lộc được lệnh kéo binh về tàn sát toàn bộ dân chúng trong vùng, nhà cửa đốt sạch, kẻ chết đâm, người chết chém, chết bắn, người nào sống sót chúng bắt được ném vào lửa đỏ, cả một vùng hồn linh dật dờ trong khói lửa"(*Sự tích Vũng Liêm)*.

Thông qua lớp truyện thứ hai của TL1B, chúng ta hiểu thêm những hy sinh, mất mát, đau thương của những con người vùng đồng bằng sông nước trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp giai đoạn thế kỷ XIX. Sự hy sinh ấy là vô cùng lớn lao, nỗi đau ấy không gì bù đắp nổi: "Nghĩa quân nhanh chóng bị thất bại, nhiều nghĩa quân bị Pháp bắt, chém đầu, chôn chung trên một gò đất ở Vĩnh Xuân mà ngày nay nhân dân vẫn gọi là Gò Trăm Đầu" (*Truyền thuyết Gò Trăm Đầu*). Hay là "Năm 1861, nghĩa quân Trương Định tử trận được đưa về vùng căn cứ Tân Phước Tây, tỉnh Long An để chôn cất. Vì số lượng tử sỹ lên đến khoảng 60 người, không đủ điều kiện về thời gian và vật chất để mai táng, nghĩa quân phải dùng cây trai (một loại gỗ chịu được môi trường sình lầy, ẩm ướt) xếp thành hộc để chôn chung số nghĩa quân tử trận tại khu vườn của Nguyễn Duy Toản. Ngôi mộ này về sau được gọi là Mả Hộc" (*Sự tích Mả Hộc*).

Ở lớp truyện thứ hai này, ngoài việc kể diễn biến của các sự kiện lịch sử có liên quan đến cộng đồng, tác giả dân gian còn kể về hành trạng, công tích của nhân vật như: Bà Bầy dũng cảm che giấu nghĩa quân Đồng Tháp Mười trong cuộc kháng chiến chống Pháp, dù bị giặc đánh đập dã man nhưng bà vẫn không khai nơi trú ẩn của nghĩa quân (*Truyền thuyết Vàm Bà Bầy*); Đốc binh Trần Ngọc "quyết không để quân trang, quân dụng rơi vào tay giặc, lệnh cho nghĩa sĩ mang hết quân lương lên bờ tiêu huỷ, lửa cháy ngất trời cả tuần chưa tắt"(*Rạch Đốc Vàng*); ông Mai Công Hương đục thuyền cho chìm lương thực để không cho lương thực vào tay giặc (*Truyền thuyết sông Xá Hương và Miếu Ông Bần Quỳ*); Hai người con gái quê Sa Đéc dũng cảm làm liên lạc, tiếp tế cho nghĩa quân (*Truyền thuyết Cầu Nàng Hai*); Hai anh em Anh và Dũng cùng nhân dân ở Bạc Liêu dũng cảm đấu tranh chống lại giặc Pháp xâm lược (*Sự tích Ấp Anh Dũng*)...

Lớp truyện thứ ba kể về đoạn kết của sự kiện lịch sử hoặc của nhân vật lịch sử và việc hình thành tên gọi địa danh.

Có những sự kiện lịch sử kết thúc vẻ vang, rất đáng tự hào: "Quân ta chiến thắng quân Xiêm vẻ vang trên sông Sầm, vì có tiếng la ó đồng thanh của quân Tây Sơn phát ra tựa sấm vang động cả một khúc sông. Quân địch nghe tiếng hò xung trận, lo sợ mất hồn nên không còn lòng dạ nào nghĩ đến việc giao tranh. Từ đó, nhân dân gọi sông Sầm là Rạch Gầm" (*Sự tích Rạch Gầm*).

Có những sự kiện được kể lại với kết thúc bi thương, nhân dân hoặc nghĩa quân bị Pháp và lũ ác ôn tay sai khủng bố, tàn sát dã man (*Lai lịch Trường Án Cần Lố, Sự tích Vũng Liêm, Khu Mả Lớn*…).

Đối với những truyền thuyết địa danh kể về các nhân vật có công trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, tác giả dân gian đã kể về sự hi sinh của họ. Có những hi sinh rất đau thương như là sự hy sinh của Bà Bầy "Sau một hồi tra tấn không có kết quả, chúng thay phiên nhau hãm hiếp Bà Bầy cho đến chết" (*Truyền thuyết Vàm Bà Bầy*); Hoặc là sự tử tiết của các nhân vật như nhân vật Mai Công Hương (*Sự tích sông Xá Hương và miếu ông Bần Quỳ*), của Đốc binh Trần Ngọc (*Rạch Đốc Vàng*); Hi sinh do bị giặc bắt, hành hạ và giết chết như ông Quản Bạch (*Vàm Hổ Cứ*), hai chị em (Cầu Nàng Hai), hai anh em Anh và Dũng (*Cánh đồng Nọc Nạn*).

Như vậy, dù trực tiếp hay gián tiếp, truyền thuyết địa danh TL1B đều có sự gắn bó chặt chẽ với các sự kiện lịch sử và công trạng của các nhân vật trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Từ những sự kiện lịch sử có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của quần chúng nhân dân, từ những nhân vật có nhiều đóng góp, hy sinh vì cộng đồng, nhân dân đã lấy tên gọi của những nhân vật lịch sử ấy, lấy sự kiện lịch sử ấy để đặt tên cho những địa danh trong khu vực ĐBSCL.

Sau đây là mô hình cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết địa danh TL1B:

Mô hình 1: **Miêu tả, định vị các địa danh → Giới thiệu về sự kiện lịch sử hoặc nguồn gốc,**

hoàn cảnh, đặc điểm nhân vật → Diễn biến của sự kiện lịch sử hoặc hành trạng, công tích của nhân vật → Đoạn kết của sự kiện lịch sử hoặc đoạn kết của nhân vật và việc lý giải tên gọi của địa danh.

Mô hình 2: **Kể về sự kiện lịch sử hoặc kể về nguồn gốc, hoàn cảnh, đặc điểm của nhân vật có liên quan đến địa danh → Diễn biến sự kiện lịch sử hoặc hành trạng, công tích của nhân vật → Đoạn kết của sự kiện lịch sử hoặc đoạn kết của nhân vật và việc lý giải tên gọi của địa danh.**

Trong hai mô hình nêu trên, *mô hình 1* có thêm phần miêu tả, định vị địa danh trong phần mở đầu của mỗi câu chuyện. *Mô hình 2* không có nội dung này. Các phần còn lại đều có sự tương đương về nội dung giữa hai mô hình cốt truyện.

Khảo sát nội dung cốt truyện của truyền thuyết địa danh TL1B cho thấy những truyền thuyết này đã phản ánh sinh động những sự kiện lịch sử diễn ra ở vùng ĐBSCL trong quá khứ. Chẳng hạn như cuộc chiến đấu chống lại quân xâm lược Xiêm và quan quân Nguyễn Ánh của người anh hùng áo vải Tây Sơn vào năm 1795. Lời kể của tác giả dân gian: "Tục truyền ngày ấy quân Tây Sơn kéo đến Rạch Gầm đông vô kể. Người đi chật đất, gươm giáo sáng loè, nhưng hết thảy đều ngậm tăm. Đến lúc lệnh khai chiến truyền ra, tiếng la ó đồng thanh thình lình phát ra tựa sấm vang động cả một khúc sông" (*Sự tích Rạch Gầm*) đã giúp cho người nghe câu chuyện liên tưởng đến nghệ thuật nhử địch để đưa chúng vào trận địa đã được mai phục sẵn của nghĩa quân Tây Sơn trong lịch sử đã ghi: "Rạch Gầm và Xoài Mút là hai con sông nhỏ nhưng có vị trí quan trọng trong thế trận mai phục thuỷ binh của Tây Sơn, tạo thành hai gọng kìm chặn sau và khoá đuôi toàn bộ đội hình quân địch một khi chúng đã lọt vào trận địa mai phục" [10, tr. 38]. Hay là sự kiện nông dân ĐBSCL dũng cảm đứng lên chống lại sự hà hiếp, bóc lột của bọn địa chủ, cường hào và bọn cò Tây ở nông thôn vùng đồng bằng miền Tây Nam của Tổ quốc (*Cánh đồng Nọc Nạn*). Chi tiết Mười Chức trong *Cánh đồng Nọc Nạn* giết heo làm lễ tế sống mẹ già trước khi chiến đấu với bọn địa chủ, ác bá trong vùng đã cho thấy người nông dân trong truyền thuyết này dũng cảm và quyết tâm sống chết với những kẻ áp bức, bóc lột mình, gia đình mình và những người nông dân hiền lành, chăm chỉ khác. Truyền thuyết *Cánh đồng Nọc Nạn* đã cho thấy mâu thuẫn giữa người nông dân với tầng lớp địa chủ ở nông thôn dưới thời Pháp thuộc - mâu thuẫn mang tính phổ biến ở nông thôn Việt Nam nói chung - cũng có xuất hiện ở vùng đồng bằng Nam Bộ giai đoạn trước năm 1945. Tuy nhiên, khảo sát hệ thống truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL, chúng tôi nhận thấy những truyền thuyết có nội dung tương tự như *Cánh đồng Nọc Nạn* xuất hiện không nhiều trong hệ thống truyền thuyết dân gian ở vùng này. *Cánh đồng Nọc Nạn* có thể xem là truyền thuyết duy nhất trong hệ thống truyền thuyết địa danh TL1B có nội dung đề cập đến mâu thuẫn giữa người nông dân với địa chủ, cường hào ở địa phương.

Đặc biệt, tháng 9/1858, Pháp tấn công Đà Nẵng. Năm 1859, Pháp tấn công Gia Định. Kể từ mốc lịch sử này nhân dân Nam Bộ đã đứng lên chống giặc Pháp xâm lược. Giai đoạn lịch sử khổ nhục nhưng vĩ đại của nhân dân Nam Bộ kể từ 1858 đã được nhiều nhà sử học đề cập đến như *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX* của tác giả Huỳnh Lứa. Truyền thuyết địa danh ở các tỉnh thuộc Nam Bộ, trong đó có vùng ĐBSCL cũng đã phản ánh giai đoạn lịch sử đáng ghi nhớ này bằng những câu chuyện dân gian. Đó là những truyền thuyết địa danh tiêu biểu như *Sự tích Vàm Hổ Cứ, Sự tích Vàm Bà Bầy, Rạch Đốc Vàng, Chợ Thống Linh, Sự tích ấp Anh Dũng...*

Trong mỗi truyền thuyết dân gian nói trên, các tác giả dân gian đã tái hiện bức tranh lịch sử chống giặc Pháp xâm lược của nhân dân vùng ĐBSCL cụ thể, sinh động với những con người và những sự kiện lịch sử cụ thể. Ẩn sau mỗi lời kể trong những truyền thuyết nêu trên là tình cảm yêu mến, niềm tự hào của nhân dân dành cho những con người bình dị, có nhiều đóng góp cho công cuộc chống giặc Pháp xâm lược. Mặc dù trong sử sách không ghi tên của những Bà Bầy, Bà Bướm, Nàng Hai ở Đồng Tháp, anh em Anh và Dũng ở Bạc Liêu…, nhưng những con người này vẫn được dân gian

ghi nhớ và lưu truyền qua bao nhiêu thế hệ bởi một điều đơn giản: Họ đã từ nhân dân mà ra và cũng vì nhân dân, vì cộng đồng, vì quê hương mà chiến đấu.

Việc khai thác mối quan hệ giữa con người với cộng đồng là nét đặc trưng của thể loại truyền thuyết so với thần thoại và cổ tích. Bởi lẽ, thần thoại chủ yếu khai thác mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, cổ tích khai thác mối quan hệ thế sự, mối quan hệ giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội. Mỗi câu chuyện kể trong truyền thuyết địa danh TL1B đều lấp lánh niềm tự hào, lòng biết ơn, tình cảm tôn vinh của nhân dân dành cho những con người có nhiều đóng góp và hi sinh cho cộng đồng. Đây cũng là đặc điểm nội dung mang tính tương đồng nổi bật nhất của truyền thuyết địa danh vùng ĐBSCL so với truyền thuyết địa danh cùng tiểu loại ở các vùng miền khác trong cả nước.

Tuy nhiên, bên cạnh điểm tương đồng về nội dung so với truyền thuyết địa danh ở các vùng miền khác như vừa nêu, truyền thuyết địa danh TL1B còn có những nét đặc trưng riêng.

Nét đặc trưng nổi bật trước hết thể hiện ở cảm hứng sáng tác. Bên cạnh những truyền thuyết địa danh thể hiện cảm hứng tôn vinh, ngợi ca những con người có công trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, chống lại chế độ phong kiến hà khắc ở một số tỉnh thuộc vùng ĐBSCL thì truyền thuyết địa danh TL1B còn thể hiện những tội ác dã man của giặc Pháp và bọn tay sai, ghi giữ lại những mất mát, đau thương cùng với lòng căm thù, cảm xúc bi thương và tinh thần bi tráng của quần chúng nhân dân vùng ĐBSCL trong giai đoạn chống giặc Pháp xâm lược. Những truyền thuyết tiêu biểu cho nội dung này: *Lai lịch Trường Ấn Cần Lố, Khu Mả Lớn* (Đồng Tháp), *Sự tích Vũng Liêm* (Vĩnh Long), *Sự tích Mả Hộc, Gò Trăm Đầu* (Long An).

Chẳng hạn như ở lớp truyện thứ ba của truyền thuyết *Gò Trăm Đầu* được sưu tầm ở tỉnh Long An đã kể về tội ác của giặc Pháp với tình tiết như sau: "Pháp đã cho chém đầu hàng loạt nghĩa quân rồi chôn chung thành một gò mả ở ruộng Cây Keo nên nhân dân gọi đây là Gò Trăm Đầu". Hay là lớp truyện thứ ba của truyền thuyết *Sự tích Vũng Liêm*, tác giả dân gian đã kể lại tội ác của tên tay sai ác ôn Trần Bá Lộc: "Để trả thù cho quan thầy, Trần Bá Lộc được lệnh kéo binh về tàn sát toàn bộ dân chúng trong vùng, nhà cửa đốt sạch. Kẻ chết đâm, người chết chém, chết bắn, người nào sống sót chúng bắt được ném vào lửa đỏ, cả một vùng hồn linh dật dờ trong khói lửa. Nên dân chúng quanh vùng gọi đây là Vũng Linh. Qua năm tháng Vũng Linh được nói trại thành Vũng Liêm" *(Sự tích Vũng Liêm)*. Trong những truyền thuyết này, tác giả dân gian vừa ghi giữ tội ác của kẻ thù, vừa ghi lại những mất mát, đau thương của các nghĩa binh, của nhân dân vùng ĐBSCL trong giai đoạn lịch sử chống Pháp. Ở đây, cảm xúc bi thương xen lẫn lòng căm thù của nhân dân đối với tội ác của giặc Pháp và lũ tay sai ác ôn đã tạo nên những câu chuyện dân gian nhằm lý giải sự hình thành tên gọi của một số địa danh thuộc vùng ĐBSCL. Đây là một nội dung mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL. Bởi vì khảo sát một số truyền thuyết địa danh ở một số tỉnh thuộc Bắc Bộ, chúng tôi nhận thấy tên gọi một con sông, một đồi gò, một cái ao, một cánh đồng đa số đều được gắn với một chiến công dựng nước và giữ nước của cha ông. Chẳng hạn như: "Tên gọi Thăng Long của thủ đô gắn với truyền thuyết về Lý Công Uẩn, tên gọi Hồ Gươm gắn với chiến công của Lê Lợi. Ở Vĩnh Phú có cánh đồng Dai, cánh đồng Võ, có vực Chuông ghi lại chiến công trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Lạng Sơn có hang Thái Đức, có núi Vua Ngự gắn liền với chiến công giữ nước của Lê Hoàn" [1, tr. 52]. Cảm hứng bao trùm trong những truyền thuyết dân gian nói trên là cảm hứng ca ngợi, tôn vinh những chiến công, những người anh hùng dân tộc có nhiều công lao đối với cộng đồng. Trong khi đó, ở vùng ĐBSCL, tên gọi một địa danh, một con sông, một cánh đồng không chỉ gắn với chiến công dựng nước và giữ nước của cha ông mà đó còn là nơi ghi dấu tội ác của quân thù, là nơi ghi dấu lòng căm thù của nhân dân đối với giặc ngoại xâm và bè lũ tay sai. Ở những địa danh này không chỉ có những chiến công vẻ vang mà còn có cả những mất mát, hi sinh, là nơi đầu rơi, máu chảy của quần chúng nhân dân trong lịch sử chống thù trong, giặc ngoài. Vì vậy mà một số truyền thuyết địa danh vùng ĐBSCL không chỉ chứa đựng cảm

hứng ca ngợi và tôn vinh mà còn có cả cảm hứng bi tráng khi kể về những mất mát, đau thương của nhân dân, đặc biệt là trong thời kỳ chống giặc Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ khi chưa có Đảng lãnh đạo.

Đặc điểm mang tính đặc trưng này của truyền thuyết địa danh TL1B có cơ sở từ đặc điểm lịch sử, xã hội của vùng ĐBSCL, đặc biệt là giai đoạn lịch sử 1858- 1918, giai đoạn Pháp xâm lược Nam Bộ. Nhân dân đứng lên chống Pháp bằng những vũ khí thô sơ như dao phay, rơm con cúi trong hoàn cảnh triều đình nhà Nguyễn bất lực, yếu hèn. Cuộc chiến đấu khi chưa có một chính đảng lãnh đạo và các cuộc khởi nghĩa hầu như đều thất bại. Hoàn cảnh lịch sử ấy đã tác động rất lớn đến những nội dung mang tính đặc trưng của truyền thuyết địa danh TL1B nói riêng và của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói chung.

Mặt khác, khảo sát truyền thuyết địa danh TL1B, chúng tôi nhận thấy sự vắng bóng của yếu tố thần kỳ trong cấu tạo cốt truyện của các tác phẩm. Đây là nét đặc trưng thứ hai của truyền thuyết địa danh TL1B so với các truyền thuyết cùng tiểu loại ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Chẳng hạn như truyền thuyết *Sự tích xã Quán Triều* [4, tr. 515] lưu hành ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ, truyền thuyết này lí giải tên gọi địa danh xã Quán Triều gắn liền với việc kể về chiến công chống giặc Tống của nhân vật Quán Triều ở tỉnh Thái Nguyên. Trong truyền thuyết này, yếu tố thần kỳ hay là sự hư cấu, tưởng tượng đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc tác phẩm. Yếu tố thần kì xuất kiện ngay từ đầu tác phẩm với sự kiện Quán Triều được tiên nữ cho chiếc áo tàng hình. Nhờ chiếc áo tàng hình này mà Quán Triều lấy được nhiều của cải trong kho chứa của nhà vua để chia cho dân nghèo, nhờ áo tàng hình mà Quán Triều giúp vua chiến thắng giặc Tống xâm lược, nhờ áo tàng hình mà Quán Triều được vua gả công chúa Hồng Liên và được phong tước Hộ Quốc công. Có thể nói yếu tố thần kỳ hiện diện trong suốt tác phẩm này.

Hay là truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* cũng chứa đựng trong nó nhiều yếu tố thần kỳ: Từ chi tiết ba lần thanh sắt đều chui vào lưới của Lê Thận đến chi tiết chuôi gươm nạm ngọc trên ngọn cây đa và chi tiết rùa vàng nhận lại gươm thần. Tất cả những chi tiết kể trên đều là sản phẩm của sự hư cấu, tưởng tượng của tác giả dân gian trong quá trình giải thích tên gọi Hồ Gươm gắn liền với chiến công của Lê Lợi.

Khác với những truyền thuyết vừa nêu trên, trong 21 truyền thuyết thuộc TL1B chỉ có 01 truyền thuyết chứa đựng yếu tố thần kỳ trong cốt truyện. Đó là truyền thuyết *Đám lá tối trời*. Trong truyền thuyết *Đám lá tối trời*, yếu tố thần kỳ chỉ xuất hiện ở phần cuối của tác phẩm chứ không xuất hiện với mật độ dày đặc như trong 02 truyền thuyết ở vùng Bắc Bộ vừa kể trên: "Từ đó, thiên hạ đồn rằng, đêm hôm ở vùng đám lá tối trời như có tiếng gào thét, như tiếng binh đao va chạm. Có khi, nghe như tiếng thiên binh vạn mã rầm rộ kéo đi, có lúc lại nghe ngựa hí, người la và tiếng trống trận". Theo cách lý giải của dân gian thì những âm thanh bí ẩn đó chính là sự xuất hiện của đội quân âm binh trong "đám lá tối trời". Yếu tố thần kỳ này có ý nghĩa ca ngợi và tôn vinh những người nghĩa sĩ đã hi sinh thân mình cho quê hương, cho Tổ quốc. Lúc sống, họ là những anh hùng, khi chết, hồn thiêng của họ vẫn còn luôn luôn gây nên nỗi lo sợ, hốt hoảng đối với quân thù. Đồng thời, vai trò của yếu tố thần kỳ trong truyền thuyết này còn là để linh thiêng hoá địa danh được đề cập đến trong câu chuyện kể.

So với một số truyền thuyết địa danh có liên quan đến những nhân vật có công chống giặc ngoại xâm tiêu biểu ở một số tỉnh thuộc Bắc Bộ, chẳng hạn như *Sự tích Hồ Gươm* gắn với nhân vật Lê Lợi, với chiến công lẫy lừng chiến thắng giặc Minh xâm lược của dân tộc ở thế kỷ XV đã được nhiều người thuộc nhiều địa phương trong cả nước đều biết đến. Trong khi đó, những nhân vật xuất hiện trong truyền thuyết địa danh TL1B này thường không có những công trạng lớn. Vì thế mà tầm ảnh hưởng của nhân vật chỉ giới hạn trong phạm vi một địa phương, một vùng nhất định. Cũng chính vì vậy mà sự lan toả của mỗi câu chuyện kể thường không rộng, thông thường chỉ giới hạn trong một vài địa phương lân cận. Điều này sẽ dẫn đến một hệ quả tất yếu là những địa danh có liên quan đến những nhân vật này chỉ được một số địa phương thuộc khu vực ĐBSCL biết và hiểu được ý nghĩa, nguồn gốc của địa danh vốn rất gắn bó với nơi mình sinh sống.

4. Kết luận

Với những đặc điểm của thể loại, truyền thuyết địa danh TL1B vùng ĐBSCL không chỉ giải thích tên gọi của địa danh mà quan trọng hơn, truyền thuyết địa danh TL1B ở vùng đất mới phía Nam này còn phản ánh và ghi giữ những nhân vật và sự kiện lịch sử trong quá khứ có liên quan đến địa danh theo quan điểm, thái độ, tình cảm của nhân dân vùng ĐBSCL. Việc phản ánh này đã góp phần lấp đầy một số khoảng trống trong lịch sử, ghi nhận và khẳng định vai trò, sự ảnh hưởng của một số nhân vật lịch sử trong quá khứ.

Cùng với cảm hứng ca ngợi và tôn vinh các nhân vật tiền hiền, các nhân vật chống giặc ngoại xâm... truyền thuyết địa danh TL1B vùng ĐBSCL còn chứa đựng cả cảm hứng lên án, tố cáo những tội ác dã man của quân thù - mà chủ yếu là giặc Pháp xâm lược. Thực tế khảo sát hệ thống truyền thuyết địa danh TL1B vùng ĐBSCL đã cho thấy, truyền thuyết địa danh TL1B vùng ĐBSCL không phải bao giờ cũng gắn với chiến công dựng nước và giữ nước của cha ông như truyền thuyết địa danh ở một số vùng miền khác trong cả nước mà truyền thuyết địa danh TL1B ở vùng đất mới phía Nam này còn gắn với những tội ác của giặc Pháp và bọn tay sai ác ôn. Đây cũng là một đặc điểm mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL.

So với truyền thuyết địa danh ở vùng Bắc Bộ, truyền thuyết địa danh TL1B vùng ĐBSCL có một số điểm tương đồng và dị biệt. Điểm tương đồng thể hiện chủ yếu ở nội dung dân tộc lịch sử, ở cốt lõi lịch sử của tác phẩm luôn gắn bó chặt chẽ với những đặc điểm lịch sử - xã hội và văn hóa ở một vùng miền cụ thể. Điểm dị biệt *thứ nhất* thể hiện ở xu hướng bám sát hiện thực lịch sử của tác phẩm, yếu tố thần kỳ xuất hiện thưa thớt trong hệ thống truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL, cốt truyện thường đơn giản và ít tình tiết.

Trong cấu tạo cốt truyện của các tác phẩm truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL không thấy sự xuất hiện của motif nhân vật "thụ thai và sinh nở thần kỳ" trong tiểu loại truyền thuyết địa danh này. Kể cả motif nhân vật "hiển linh" cũng xuất hiện một cách thưa thớt trong hệ thống tác phẩm truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL. Nhìn chung, các yếu tố thần kỳ ít tham gia vào cốt truyện. Trong khi đó, motif "sự thụ thai và sinh nở thần kỳ", motif "hóa thân", motif "hiển linh" xuất hiện khá phổ biến nếu không nói là một thành tố không thể thiếu trong các truyền thuyết dân gian ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thứ hai, bên cạnh cảm hứng sáng tác chủ đạo là ca ngợi và tôn vinh các nhân vật lịch sử trong quá khứ, truyền thuyết địa danh có liên quan đến những sự kiện và nhân vật có công chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL còn chứa đựng cả cảm hứng bi tráng, đó là sự thương cảm, xót xa của nhân dân đối với những mất mát, hy sinh của những nghĩa sĩ nông dân, những anh hùng trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL. Cảm hứng sáng tác này đã bổ sung thêm những gam trầm, bổ sung thêm giọng điệu bi tráng cho bản hợp ca về các nhân vật lịch sử trong quá khứ của Việt Nam.

Với những đặc điểm mang tính đặc trưng này, truyền thuyết địa danh TL1B nói riêng, truyền thuyết dân gian của người Việt vùng ĐBSCL nói chung đã có nhiều biến đổi khi được sáng tác và lưu truyền từ vùng ngoài vào vùng ĐBSCL và có những đặc trưng riêng so với truyền thuyết dân gian ở các vùng miền khác trong cả nước, đặc biệt là so với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Những nét đặc trưng này một mặt là do tác động bởi các yếu tố về lịch sử - địa lý - văn hóa - xã hội và mặt khác, do tính độc đáo trong sáng tác nghệ thuật của tác giả dân gian ở mỗi vùng miền của Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Thị An (1999), "Truyện kể địa danh, từ góc nhìn thể loại", *Tạp chí Văn học,* (số 3), tr. 50.

[2]. Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và Motif*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[3]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1992), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Kiều Thu Hoạch (2004), *Tổng tập Văn học dân gian người Việt,* tập 4, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[5]. A. Hornby (2010), *Oxford Advanced Learners Dictionary*, Oxford University press.

[6]. Phương Lựu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam (2006), *Lý luận Văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Thị Nguyệt (2000), *Khảo sát và so sánh một số type và motif truyện cổ dân gian Việt Nam - Nhật Bản*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn.

[8]. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp Văn học Dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[9]. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt,* NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[10]. Nguyễn Minh Phúc (2008), "Anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút", *Tiền Giang - Nhân vật lịch sử và di tích liên quan,* tập 1, Sở Văn hóa Thể thao Du lịch Tiền Giang.

THE CHARACTERISTICS OF PLACE-NAME LEGENDS RELATED TO HISTORICAL EVENTS AND ANTI-INVASION FIGURES IN THE MEKONG DELTA

Summary

This article analyzes and identifies the characteristics of place-name legends related to historical events and anti-invasion figures in the Mekong Delta. These characteristics are identified by surveying and analyzing the plot, structural features of narrative elements in the Mekong Delta place-name legends.

Keywords: Legends, place names, history, plot, the Mekong Delta.

Ngày nhận bài: 03/01/2019; Ngày nhận lại: 15/02/2019; Ngày duyệt đăng: 25/02/2019.